TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/03/2019.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18/02/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NguyễnThị Mỹ H; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trương Thành N; Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Thành N tự nguyện chung sống với nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An ngày 12/03/2015. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến tháng 07/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông N không lo làm ăn, ứng xử không tốt đối với gia đình bên vợ, có tính ghen tuông, thường xuyên rượu chè, nên vợ chồng

thường xuyên cải vả qua lại và kể từ tháng 12/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà có điện thoại gặp nhau để bàn bạc, nhưng không đạt kết quả. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Nhật V, sinh ngày 14/11/2015 hiện nay cháu đang sống với bà H. Nếu ly hôn, bà H yêu cầu nuôi cháu V và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trương Thành N: Kể từ khi thụ lý, ông N không trả lời Thông báo thụ lý của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, đồng thời không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu V cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, ông N không phải cấp dưỡng cho cháu V, vì bà H không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Thành N là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thành N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà NguyễnThị Mỹ H và ông Trương Thành N tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2015, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông N không lo làm ăn, ứng xử không tốt với bên gia đình bà H, có tính ghen tuông, thường xuyên rượu chè, nên vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại và kể từ tháng 12/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà có điện

thoại để bàn bạc cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để ông bà hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà H kiên quyết ly hôn với ông N và tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018, ông Trần Văn T là ông Ngoại của ông N khai " N và H ly thân nhau trên 01 năm, nguyên nhân là do N đi làm không có lo lắng cho vợ con" và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà NguyễnThị Mỹ H được ly hôn với ông Trương Thành N.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh thì trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Trương Nguyễn Nhật V, sinh ngày 14/11/2015 hiện nay cháu đang sống chung với bà H. Nếu ly hôn, bà H yêu cầu nuôi cháu V và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, sau khi ly thân từ tháng 12/2016 đến nay thì bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V; ông N ít đến thăm nom cháu V và cũng không lo lắng cho bà H và cháu V theo lời khai của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu V cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Toà án, bà NguyễnThị Mỹ H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà NguyễnThị Mỹ H được ly hôn với ông Trương Thành N.

2.Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Nhật V sinh ngày 14/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; ông Trương Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà H không yêu cầu.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà NguyễnThị Mỹ H chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004383, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trương Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trương Thành N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng